TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 9 - 2017
V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐĂKLĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đình Long.
2. Bà Nguyễn Thị Chinh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đăng Khoa – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2017/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2017 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị C.
Nơi ĐKNKTT: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Chỗ ở hiện nay: Thôn T1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đinh Nông Đ.
Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.
Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu B, Phường H, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trung K – Phó giám đốc PGD NHCSXH huyện K.
Địa chỉ: TDP 2, TT K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 17/02/2017, tại biên bản lấy lời cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lý Thị C trình bày: Bà và ông Đinh Nông Đ kết hôn vào năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn bà và ông Đ chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ hay ghen tuông vô cớ, vu oan bà ngoại tình và ngày 13/02/2015 đã dùng dao đâm bà nên bà phải về nhà bố

mẹ đẻ sống cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Nông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung tên là: Đinh Nông M (Sinh ngày 16/02/1998) và Đinh Nông Đ1 (Sinh ngày 06/01/1999). Cả hai con đều đã trưởng thành nên bà không có ý kiến gì về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Về phân chia tài sản chung: Tại đơn khởi kiện bà yêu cầu phân chia tài sản chung gồm: 01 lô đất diện tích 200 m2, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà gỗ 3 gian và 100 cây cà phê chè; 01 chiếc xe máy; 01 con bò; 300 m2 đất ruộng, 3000 m2 đất trồng cà phê tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, nhưng quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa bà xin rút yêu cầu này và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản.

Về nợ: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2017, bị đơn ông Đinh Nông Đ trình bày: Ông và bà C lấy nhau năm 1996, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn bà C cung cấp là giả, chữ ký " Đ" trong mục chồng không phải chữ ký của ông mà do bà C giả mạo. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì ông và bà C xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà C ngoại tình, không chăm lo cho gia đình. Ông và bà C đã sống ly thân từ tháng 12/2014 đến nay. Nay bà C yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì giữa ông và bà C vẫn chưa nói chuyện rõ ràng với nhau về vấn đề gia đình, tài sản và nợ.

Về con chung: Ông và bà C có 02 con chung tên là: Đinh Nông M (Sinh ngày 16/02/1998) và Đinh Nông Đ1 (Sinh ngày 06/01/1999). Cả hai con đều đã trưởng thành nên ông không có ý kiến gì về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Về phân chia tài sản chung: Đối với lô đất diện tích 3000 m2 tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung nên ông không đồng ý phân chia; Đối với lô đất diện tích 200 m2 và tài sản trên đất như bà C trình bày thì ông không biết và đó không phải là tài sản của ông; Đối với 300 m2 đất ruộng nước là tài sản riêng của mẹ ông là Đinh Thị P nhờ ông đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải tài sản chung của ông và bà C nên ông không đồng ý phân chia; Đối với 01 con bò và 01 xe máy thì ông đã bán vào năm 2015 hiện nay đã không còn nên ông không đồng ý phân chia. Tất cả những vấn đề về tài sản mà bà C yêu cầu phân chia ông đều không đồng ý.

Về nợ: Nợ Ngân hàng chính sách 15.000.000 đồng vào năm 2014; Nợ ông Vi Văn C (Thôn T, xã E) 7.000.000 đồng; Nợ ông Đinh NôngT (Thôn T, xã E) 7.000.000 đồng; Nợ ông Đinh Nông T1 (Thôn T, xã E) 7.000.000 đồng; Nợ ông Bế Đình L (Thôn T, xã E) 7.000.000 đồng; Nợ ông Bế Đình H (Thôn T, xã E) 7.000.000 đồng; Nợ ông Bế Đình S (Thôn T, xã E) 7.000.000 đồng; Nợ ông Bế Đình K (Thôn T, xã E) 5.000.000 đồng; bà Đinh Thị L ở Bắc Kạn (không rõ địa chỉ) 40.000.000 đồng. Những số nợ trên ông đều vay vào tháng 4/2016. Nguồn gốc những số nợ trên là do ông vay mượn để chữa bệnh vì ông bị bệnh tim. Vì ông và bà C đang là vợ chồng nên ông yêu cầu bà C phải cùng ông có trách nhiệm trả ½ những số nợ mà ông kê khai.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ không có mặt để làm việc, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần.

- Tại bản tự khai ngày 14/6/2017, người đại diện theo ủy quyền của người có

quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Trung K trình bày: Căn cứ danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) chương trình cho vay hộ cận nghèo được Ủy ban nhân dân xã E xác nhận, PDG NHCSXH huyện Krông Năng đã giải ngân cho ông Đinh Nông Đ chương trình hộ cận nghèo số khế ước 600000710075983, số tiền gốc 5.000.000 đồng, lãi suất 0,66%/tháng, thời hạn 36 tháng, hạn trả nợ ngày 17/4/2020. Nếu bà C và ông Đ ly hôn thì yêu cầu Tòa án buộc bà C và ông Đ trả số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Ngày 18/8/2017 đại diện ngân hàng đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập những cá nhân mà ông Đ khai là có cho ông Đ vay tiền đến Tòa án để làm việc, nhưng không ai có mặt theo giấy triệu tập.

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và hướng giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Bà Lý Thị C và ông Đinh Nông Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà C đã khởi kiện xin ly hôn ông Đ và yêu cầu giải quyết việc phân chia tài sản chung tại Tòa án. Như vậy, tranh chấp giữa bà C và ông Đ là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông Đ là hợp pháp. Mặc dù ông Đ cho rằng ông và bà C lấy nhau năm 1996, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Giấy chứng nhận kết hôn bà C cung cấp là giả, chữ ký " Đ" trong mục chồng không phải chữ ký của ông mà do bà C giả mạo. Tuy nhiên qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thì ngày 30/7/2004 ông Đ và bà C đến UBND xã E làm thủ tục đăng ký kết hôn, sau khi ông Đ và bà C làm tờ khai thì cán bộ tư pháp xã E là ông Vi Quang L trực tiếp vào sổ số 01/2004, trang 34 để làm giấy chứng nhận kết hôn cho bà C và ông Đ. Ông Đ và bà C đã ký chữ ký "Đ" và " C" vào mục chồng và vợ. Việc ông Đ cho rằng giấy chứng nhận kết hôn là giả là hoàn toàn không đúng vì khi đăng ký kết hôn bắt buộc phải có cả vợ và chồng do đó việc ông Đ cho rằng giấy chứng

nhận kết hôn mà bà C cung cấp là giả, thực tế ông và bà C không đăng ký kết hôn là không có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án cả bà C và ông Đ đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thực tế hiện nay hai người đã không còn chung sống với nhau. Ông Đ cho rằng tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng do giữa bà C và ông Đ chưa giải quyết xong việc gia đình, tài sản và nợ chung nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông Đ thì thấy rằng giữa bà C và ông Đ có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2005 đến nay, sau năm 2005 thì mâu thuẫn giữa bà C và ông Đ càng trầm trọng, có lúc còn xảy ra xô xát, bà C và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Các lần làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà C và ông Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc bà C yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Bà C và ông Đ có 02 con chung là Đinh Nông M (Sinh ngày 16/02/1998) và Đinh Nông Đ1 (Sinh ngày 06/01/1999). Cả hai con đều đã trên 18 tuổi nên HĐXX không đặt ra để xem xét về nghĩa vụ nuôi con.

- Về phân chia tài sản: Tại đơn khởi kiện bà C yêu cầu phân chia tài sản chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà C đã rút phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung. Việc bà C rút phần yêu cầu chia tài sản là tự nguyên nên HĐXX xét thấy cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung của nguyên đơn.

- Về nợ: Ngày 12/6/2017 NHCSXH Việt Nam – PGD Krông Năng có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu bà Lý Thị C và ông Đinh Nông Đ trả số nợ 5.068.200 đồng (Nợ gốc 5.000.000đ, nợ lãi 68.200đ). Tuy nhiên ngày 18/8/2017 người đại diện theo ủy quyền của NHCSXH Việt Nam – PGD Krông Năng đã làm đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập, HĐXX xét thấy cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết về nợ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Nếu hai bên tiếp tục phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2017 ông Đinh Nông Đ có yêu cầu Tòa án giải quyết việc thanh toán nợ đối với khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội và khoản nợ của một số cá nhân khác. Tuy nhiên ông Đ đã không có mặt tại Tòa án để cung cấp đầy đủ thông tin cho Tòa án về việc vay nợ và các cá nhân mà ông Đ khai là cho ông Đ vay tiền đã không có mặt tại Tòa án để làm việc, nên HĐXX không xem xét giải quyết vấn đề thanh toán nợ. Nếu ông Đ và những người liên quan có yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Để có căn cứ giải quyết việc phân chia tài sản chung nguyên đơn đã có yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và đã nộp tiền tạm ứng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.050.000 đồng. Do nguyên đơn rút yêu cầu giải quyết về phân chia tài sản chung nên phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị C được ly hôn với ông Đinh Nông Đ.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị C về việc yêu cầu phân chia tài sản chung.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là NHCSXH Việt Nam – PGD Krông Năng về yêu cầu thanh toán nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà C phải chịu 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ trong số tiền 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp tạm ứng.

4. Về án phí: Bà Lý Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 2.612.500đ (Hai triệu sáu trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2014/0042101 ngày 27/02/2017. Hoàn trả cho bà C số tiền 2.312.500đ (Hai triệu ba trăm mười hai ngàn năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Bùi Ngọc San

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND xã E, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.